

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2837/QĐ-ĐHKTQD ngày 21 tháng 11 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME:	CỬ NHÂN KẾ TOÁN / BACHELOR OF ACCOUNTING
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	KẾ TOÁN (ACCOUNTING)
MÃ NGÀNH/CODE:	7340301
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	HỌC TỪ XA/ DISTANCE EDUCATION
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/4 YEARS

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh và chính trị - xã hội; nắm vững kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán; có năng lực nghiên cứu, vận dụng kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu công việc; có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao; có tư duy khoa học độc lập và sáng tạo; có khả năng thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán để đáp ứng các nhu cầu về thông tin kế toán trong xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:*

Cử nhân ngành Kế toán có khả năng làm việc tại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư, tổ chức phi chính phủ... với chức danh như kế toán tổng hợp, kế toán trưởng, chuyên viên tài chính, giám đốc tài chính.

Cử nhân ngành Kế toán sau khi tích lũy kinh nghiệm có khả năng trở thành chuyên gia tư vấn, định giá độc lập về kế toán, thuế, tài chính và giám đốc điều hành ở các tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước.

Cử nhân ngành Kế toán nếu được phát triển chuyên môn đào tạo ở trình độ sau đại học có thể trở thành giảng viên và cán bộ nghiên cứu trong các cơ sở đào tạo.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mã CĐR
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Sinh viên có nhận thức, hiểu biết về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về tư tưởng Hồ Chí Minh và có khả năng lĩnh hội, tuân thủ tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	CĐR 1
	Sinh viên hiểu được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các môn học khác và các tri thức của nhân loại vào đời sống thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.	CĐR 2
	Sinh viên có khả năng xác định một cách hiệu quả nhu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin kế toán khác nhau.	CĐR 3
	Sinh viên nhận định kiến thức kế toán toàn diện và cập nhật.	CĐR 4
	Sinh viên có khả năng áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, quy định kế toán và các thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi để xử lý dữ liệu kế toán nhằm cung cấp thông tin kế toán hữu ích và đưa ra các đề xuất hữu hiệu cho những người sử dụng thông tin kế toán.	CĐR 5
	Sinh viên có khả năng phân tích báo cáo kế toán và đánh giá hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức.	CĐR 6
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Sinh viên có kỹ năng phân loại, xác định, đo lường, ghi nhận, lập và phân tích báo cáo kế toán nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho các đối tượng có lợi ích liên quan đến đơn vị kế toán.	CĐR 7
	Sinh viên có kỹ năng hệ thống hóa kiến thức để thiết kế, phân tích, đánh giá hệ thống thông tin kế toán của đơn vị trong môi trường công nghệ thông tin.	CĐR 8
	Sinh viên có kỹ năng phân tích tác động và ảnh hưởng của môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế tới hoạt động chuyên môn nghề nghiệp kế toán trong bối cảnh toàn cầu hóa.	CĐR 9

CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mã CĐR
	Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề kế toán phát sinh trong đơn vị, tổ chức.	CĐR 10
	Sinh viên có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn liên quan tới kế hoạch, nhiệm vụ và thực thi phân hành được phân công.	CĐR 11
	Sinh viên có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm năng động và đa dạng; có đủ sức khỏe và có những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng theo yêu cầu của Thông tư số 31/2012/TT-BGD & ĐT ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	CĐR 12
CĐR Ngoại ngữ	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 2359/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR 13
CĐR Tin học	Chuẩn đầu ra tin học theo Quyết định số 723/QĐ-ĐHKTQD ngày 17/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR 14
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Có đủ năng lực tự chủ với các công việc mình đảm trách trong khuôn khổ tuân thủ các quy định, quy tắc về kế toán.	CĐR 15
	Có đủ năng lực tự chịu trách nhiệm với các công việc mình đảm trách trong khuôn khổ tuân thủ các quy định, quy tắc về kế toán	CĐR 16

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 132 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo Quy chế tuyển sinh đại học và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ từ xa theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.4. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.5. Các học phần của Trường	12	05 học phần chung của Trường
1.6. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	88	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	15	05 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	45	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	30	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i>	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<i>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</i>	10	
TỔNG SỐ	132	Không kể GDQP&AN, GDTC, Phát triển kỹ năng cá nhân và Nhập môn internet&Elearning

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/20 đợt học, mỗi đợt học 6-7 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kế toán)		Mã HP	Số TC	Đợt học (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	<i>1.1. Các học phần chung</i>			20		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	IV	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLNL1107	2	IV	

		Scientific Socialism				
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	VIII	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	IX	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	08-11		
		1.2. Các học phần của Trường		12		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	V	
9	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	II	
10	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	II	
		1.3. Các học phần của ngành		12		
11	1	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	III	
12	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	V	KHMI1101 KHMA1101
13	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	III	
14	4	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economic and Business	TKKD1129	3	IV	
		2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		88		
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành		15		
15	1	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	IX	KHMI1101, KHMA1101, TOKT1145, TKKD1129
16	2	Kế toán tài chính 1 Financial Accounting 1	KTTC1106	3	VI	KTKE1101
17	3	Kế toán quản trị 1 Managerial Accounting 1	KTQT1103	3	IX	KHMI1101
18	4	Kế toán công 1 Accounting for Public Sector 1	KTKE1109	3	XII	KTKE1101
19	5	Kiểm toán căn bản	KTKI1101	3	XV	KTKE1101

		Basic Auditing				NHLT1107
		2.2. Kiến thức ngành		45		
		2.2.1 Các học phần bắt buộc		30		
20	1	Kế toán quốc tế International Accounting	KTKE1108	3	XIII	KTTC1106
21	2	Kế toán quản trị 2 Managerial Accounting 2	KTQT1104	3	XIII	KTQT1103
22	3	Kế toán tài chính 2 Financial Accounting 2	KTTC1107	3	XIV	KTTC1106
23	4	Kiểm toán tài chính 1 Financial Audit 1	KTKI1108	3	XVI	KTKI1101
24	5	Phân tích báo cáo tài chính Financial Statement Analysis	KTTC1111	3	XIV	KTKE1101
25	6	Kế toán tài chính 3 Financial Accounting 3	KTTC1114	3	XVI	KTTC1107
26	7	Phân tích kinh doanh Business Analysis	KTQT1105	3	XV	KHMI1101
27	8	Kiểm soát nội bộ Internal Control	KTHT1105	3	X	KHMI1101; KHMA1101
28	9	Hệ thống thông tin kế toán 1 Accounting Information Systems 1	KTHT1101	3	XVIII	KTTC1106; KTQT1103
29	10	Đề án môn học - Kế toán Essay on Accounting	KTTC1119	3	XX	KTTC1102
		2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)		15		
30	1	Kế toán nâng cao 1 Advanced Accounting 1	KTTC1117	3	XVIII	KTTC1106
31	2	Hệ thống thông tin kế toán 2 Accounting Information Systems 2	KTHT1102	3	XVIII	KTHT1101
32	3	Kiểm toán tài chính 2 Financial Auditing 2	KTKI1109	3	XIX	KTKI1108
33	4	Lịch sử kinh tế Economic History	KHEH1105	3	X	
34	5	Tiếng Anh ngành kế toán English for Accounting	KTTC1112	3	XVII	KTTC1106, KTQT1103, KTKI1101
	6	Kế toán dự án đầu tư Investment Project Accounting	KTKE1107	3	XIX	KTKE1101
	7	Pháp luật kinh tế Economic Law	LUKD1185	3	VI	LUCS1129
	8	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	VII	KHMI1101
	9	Thẩm định dự án đầu tư Investment Project Appraisal	DTKT1170	3	VII	KHMI1101, KHMA1101

2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)				18		
35	1	Kế toán chi phí Cost Accounting	KTQT1109	3	VIII	KHMI1101
36	2	Kế toán nâng cao 2 Advanced Accounting 2	KTTC1118	3	XIX	KTTC1106
37	3	Kế toán công 2 Accounting for Public Sector 2	KTKE1110	3	XVII	KTKE1109;
38	4	Phân tích dữ liệu trong kế toán Data Analytics for Accounting	KTHT1104	3	XIX	KHMI1101; KHMA1101
39	5	Kiểm soát quản lý Management Control	KTKI1105	3	XX	KTKI1101 KTQT1103
40	6	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1120	3	XI	NHLT1107, KTTC1106
	7	Tài chính công Public Finance	NHCO1107	3	XI	KHMI1101, KHMA1101
	8	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	NLQT1101	3	XI	Không có
	9	Thuế Taxation	NHCO1111	3	XII	KHMI1101, KHMA1101
	10	Ngân hàng thương mại Commercial Bank	NHTM1121	3	XVIII	NHLT1107
	11	Thị trường chứng khoán Stock Market	NHCK1117	3	VIII	KHMA1101
41	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis		KTTC1120	10	XX	KTTC1107, KTHT1101
	Tổng số tín chỉ			132		

8. Hướng dẫn thực hiện

➤ Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 05 đợt học, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

➤ Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong đợt 1, các đợt học sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng đợt học, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

VIỆN TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Hữu Ánh

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Hồng Chương